

Số: /QĐ-VTQG

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán
NSNN quý 3 năm 2021 của Cục Viễn thám quốc gia

CỤC TRƯỞNG CỤC VIỆN THẨM QUỐC GIA

Căn cứ Quyết định số 1516/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Viễn thám quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 74/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3112/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán NSNN năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 3 năm 2021; Quyết định số 1527/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 8 năm 2021; Quyết định số 1778/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh dự toán NSNN năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch- Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 3 năm 2021 của Cục Viễn thám quốc gia (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Cục có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Vụ Kế hoạch- Tài chính (để báo cáo);
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KHTC.

Nguyễn Quốc Khánh

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUÝ 3- NĂM 2021**

(Kèm theo quyết định số /QĐ-VTQG ngày tháng năm 2021
của Cục Viễn thám quốc gia)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý 3/2021	Ước thực hiện/ Dự toán năm (%)	ước thực hiện so với cùng kỳ năm trước (%)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	3.150	628	19.9%	
1	Số thu phí, lệ phí	3.150	628	19.9%	
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí	3.150	628	19.9%	
	Phí sử dụng tư liệu viễn thám	3.150	628	19.9%	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.458	628	43.1%	
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế	1.458	628	43.1%	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.458	628	43.1%	
	Chi từ nguồn phí sử dụng tư liệu viễn thám	1.458	628	43.1%	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.692	419	24.8%	
3.1	Các hoạt động kinh tế	1.692	419	24.8%	
	Nộp NSNN phí sử dụng tư liệu viễn thám	1.692	419	24.8%	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách	53.270	27.873	52.3%	
1	Chi quản lý hành chính	5.307	3.492	65.8%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.307	3.492	65.8%	
a	Chi lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo lương	4.124	2.954	71.6%	
b	Chi thường xuyên theo định mức	1.183	538	45.5%	
-	Chi thường xuyên theo biên chế công chức	1.103	459	41.6%	
-	Chi thường xuyên bổ sung theo kế hoạch nhiệm vụ hằng năm	80	79	98.8%	
+	Thanh tra - Kiểm tra	80	79	98.8%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	4.703	2.043	43.4%	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	4.303	2.020	46.9%	
2.1.1	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
2.1.2	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	4.303	2.020	46.9%	

a	Nhiệm vụ chuyên tiếp	4.303	2.020	46.9%	
-	TNMT.2018.08.02: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám phục vụ giám sát một số yếu tố môi trường khu vực các nhà máy nhiệt điện	1.084	24	2.2%	
-	TNMT.2018.08.03: Nghiên cứu kết hợp công nghệ viễn thám và mô hình số trị xây dựng kịch bản dòng chảy lũ về hồ chứa phục vụ phòng tránh và giảm nhẹ ảnh hưởng hạ du trong trường hợp sự cố	619	601	97.1%	
-	SXTN.2020.08.01. Giám sát, kiểm soát hoạt động khai thác khoáng sản tại một số tỉnh trọng điểm phía Bắc bằng công nghệ kết hợp ảnh viễn thám và ảnh chụp từ thiết bị bay không người lái	1.000	575	57.5%	
-	SXTN.2020.08.02. Nghiên cứu ứng dụng BIG data - viễn thám trong giám sát ô nhiễm không khí từ các khu xử lý rác thải	800	420	52.5%	
-	SXTN.2020.08.03. Nghiên cứu ứng dụng dữ liệu viễn thám đa thời gian trong giám sát biến động hệ thực vật vùng ven biển (Vùng chuyên tiếp giữa lục địa và biển, bao gồm vùng biển ven bờ và vùng đất ven biển)	800	400	50.0%	
b	Mở mới				
2.1.3	<i>- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	0	0		
a	Nhiệm vụ chuyên tiếp				
b	Mở mới				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	400	23	5.8%	
2.2.1	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	200	0	0.0%	
-	<i>Viễn thám quang học đa phổ - Siêu dữ liệu viễn thám - Phần 1: Dạng ảnh thô, sản phẩm ảnh mức 2A, 3A - Yêu cầu kỹ thuật</i>	100	0	0.0%	
-	<i>Viễn thám quang học đa phổ - Ảnh viễn thám độ phân giải cao và siêu cao - Phần 1: Sản phẩm ảnh viễn thám các mức từ 1A, 2A, 3A, 3B - Yêu cầu kỹ thuật</i>	100	0	0.0%	
2.2.2	Duy trì áp dụng hệ thống ISO 9001-2015	75	0	0.0%	
2.2.3	Hợp tác quốc tế về KHCN	75	0	0.0%	
2.2.4	Quản lý hoạt động KHCN	50	23	46.0%	
5	Chi hoạt động kinh tế	39.240	22.338	56.9%	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.186	1.026	86.5%	
5.1.1	Điều tra cơ bản	1.186	1.026	86.5%	
a	Nhiệm vụ chính phủ				
b	Nhiệm vụ chuyên môn hàng năm	1.186	1.026	86.5%	
-	Nhiệm vụ chuyên tiếp	1.186	1.026	86.5%	

+	Giám sát xói lở bờ biển tại một số khu vực trọng điểm miền Trung bằng công nghệ viễn thám	1.186	1.026	86.5%	
-	Nhiệm vụ mở mới				
5.1.2	Các hoạt động khác				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	38.054	21.312	56.0%	
5.2.1	Nhiệm vụ chuyên môn	22.121	11.073	50.1%	
5.2.1.1	Điều tra cơ bản	22.121	11.073	50.1%	
a	Nhiệm vụ Chính phủ	8.602	3.913	45.5%	
-	Nhiệm vụ chuyển tiếp	8.602	3.913	45.5%	
+	Điều tra, đánh giá việc khai thác và sử dụng nước dưới đất, tác động đến sụt lún bề mặt đất khu vực thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đồng bằng Sông Cửu Long, định hướng quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên nước dưới đất	6.867	3.913	57.0%	
+	Điều tra khảo sát bổ sung, xây dựng bản đồ địa thường động lực các vùng biển Việt Nam phục vụ phát triển kinh tế biển và an ninh quốc phòng	1.735	0	0.0%	
b	Nhiệm vụ chuyển môn hàng năm	13.519	7.160	53.0%	
-	Nhiệm vụ chuyển tiếp	13.519	7.160	53.0%	
+	Xây dựng cơ sở Dữ liệu Viễn thám quốc gia	9.191	4.239	46.1%	
+	Giám sát xói lở bờ biển tại một số khu vực trọng điểm miền Trung bằng công nghệ viễn thám	4.328	2.921	67.5%	
-	Nhiệm vụ mở mới				
5.2.1.2	Các hoạt động khác				
5.2.2	Nhiệm vụ đặc thù	15.723	10.072	64.1%	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	15.723	10.072	64.1%	
-	Bảo trì trạm thu dữ liệu viễn thám	7.203	2.815	39.1%	
-	Đề án ứng dụng viễn thám giám sát thường xuyên phục vụ các lĩnh vực thuộc Bộ TNMT	8.220	7.117	86.6%	
-	Đề án đặc thù: " Thông tin quản lý nhà nước về hoạt động viễn thám"	300	140	46.7%	
5.2.3	Mua sắm, sửa chữa	210	167	79.5%	
-	Mua trang thiết bị làm việc	210	167	79.5%	
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	4.020	0	0.0%	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.908			
6.1.1	Nhiệm vụ chuyên môn hàng năm	3.908		0.0%	
a	Nhiệm vụ chuyển tiếp				
b	Nhiệm vụ mở mới	3.908		0.0%	
-	Dự án "Xây dựng hệ thống thông tin đa thời gian về đất ngập nước và khu bảo tồn thiên nhiên bằng công nghệ viễn thám phục vụ công tác bảo tồn đa dạng sinh học"	3.908	0	0.0%	

6.2	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	112	0	0.0%	
6.2.1	Nhiệm vụ chuyên môn hàng năm	112		0.0%	
a	Nhiệm vụ chuyển tiếp				
b	Nhiệm vụ mở mới	112		0.0%	
-	Xây dựng hành lang pháp lý phục vụ thiết lập, quản lý và vận hành Hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên môi trường	50	0	0.0%	
-	Dự án "Xây dựng hệ thống thông tin đa thời gian về đất ngập nước và khu bảo tồn thiên nhiên bằng công nghệ viễn thám phục vụ công tác bảo tồn đa dạng sinh học"	62	0	0.0%	

Ghi chú: Nguồn quản lý hành chính, dự toán chi lương và các khoản đóng góp theo lương 4.124 triệu Bao gồm 4.008 triệu dự toán được giao năm 2021 và 116 triệu dự toán từ năm 2020 chuyển sang.